

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 06 - 01 - 2020
“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc
2. Ông Huỳnh Văn Dương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Bích Vân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn An - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2019 về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/12/2019, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Phạm Thị T, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- ***Bị đơn:*** Nguyễn Văn U, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp R, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2019, các lời khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Phạm Thị T trình bày và có yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Vào năm 1996 chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn U xác lập quan hệ hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn luôn bất hòa, cãi vã những việc trong gia đình, chị T có nhiều lần tạo điều kiện hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay thấy cuộc

sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị T xin ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

- Về con chung tên: Nguyễn Khánh L, sinh ngày 19/10/1998 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 09/06/2005; đối với Khánh L đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; đối với Tuấn K hiện chị T đang nuôi dưỡng nên yêu cầu tiếp tục nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T không tranh chấp không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu tranh chấp gì khác.

Quá trình giải quyết, cũng như tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Văn U trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Thống nhất theo lời trình bày của chị Phạm Thị T về vấn đề hôn nhân, anh chị chung sống không có đăng ký kết hôn, trong cuộc sống anh U thừa nhận anh chị luôn bất hòa, cãi vã do tính tình chị Tấn có nhiều thay đổi làm cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên đã sống riêng từ đầu năm 2019 đến nay. Mặc dù anh chị có tạo điều kiện để hàn gắn nhưng không hòa thuận được, không còn tin tưởng lẫn nhau, nay anh U thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên đồng ý ly hôn với chị Phạm Thị T.

- Về con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 19/10/1998 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 09/06/2005; đối với Khánh L đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; đối với Tuấn K có nguyện vọng sống chung với mẹ là Phạm Thị T nên anh đồng ý để chị T nuôi con, anh không tranh chấp.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh U đồng ý không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung của vợ chồng: Anh U không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Anh U không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh Út không có yêu cầu, tranh chấp nào khác.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình

tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự; các đương sự chấp hành đúng pháp.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, 14, khoản 1 Điều 53, 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị tuyên bố không công nhận chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn U là vợ chồng. Về con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 19/10/1998 đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết; đối với Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 09/06/2005 đề nghị giao chị T tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả không tranh chấp nên đề nghị không xét. Về án phí hôn nhân sơ thẩm đề nghị buộc chị T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án huyện Cầu Ngang nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Xét đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T khởi kiện tranh chấp ly hôn và tranh chấp nuôi con đối với anh Nguyễn Văn U; địa chỉ tại ấp R, xã H, huyện C nên xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn U xác định xác lập hôn nhân vào năm 1996 mà không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9, khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống giữa chị T và anh U phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tin tưởng hay quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và chị T, anh U sống riêng từ đầu năm 2019 đến nay, trong thời gian sống riêng anh chị có tạo điều kiện để hàn gắn nhưng không thành và đã được hòa giải, động viên đoàn tụ nhưng chị T và anh U xác định tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử, xét thấy tình cảm giữa chị T và anh U ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nhưng xét việc chung sống của chị T và anh U không đăng ký kết hôn là vi phạm Luật hôn nhân và gia đình vì vậy không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

[3] Về con chung: Xét thấy trong quá trình chung sống giữa chị T và anh U có các con chung tên Nguyễn Khánh L, sinh ngày 19/10/1998 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 09/06/2005.

Đối với Nguyễn Khánh L hiện đã thành niên, chị T và anh U không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Đối với Nguyễn Tân K có nguyện vọng sống chung với chị Phạm Thị T. Xét thấy, trong thời gian nuôi con thì chị T đảm bảo cuộc sống của con ổn định

về vật chất, tinh thần. Anh U không tranh chấp về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, cần giao chung tên Nguyễn Tuấn K cho chị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn là đảm bảo cuộc sống của con và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị T và anh U không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung của vợ chồng: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh U không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[6] Về số nợ phải thu, phải trả: Chị T và anh U không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000 đồng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 05 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- **Về hôn nhân:** Không công nhận chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn U là vợ chồng.

- **Về nuôi con chung:** Giao chị Phạm Thị T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 09/06/2005.

Anh Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 000557 ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị T đã nộp đủ.

- **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa